TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 09-02-2018
V/v:"*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Tiến Thành

Ông Nguyễn Đức Đẹp

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số 1105/2017/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, địa chỉ: Thôn V, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Trần N, địa chỉ: Thôn V, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại các bản tự khai,biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà và ông Lê Trần N tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng bà sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2015 thì quan hệ hôn nhân của bà và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn, chồng bà thường bỏ nhà đi nơi khác, bỏ bê, không quan tâm, chăm sóc đến gia đình. Mặc dù cả hai đã cố gắng hòa giải đoàn tụ, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà và ông N đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay, nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Trần N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà có hai con chung là cháu Lê Tín H, sinh năm 2000 và cháu Lê Đức P, sinh năm 2004. Do sức khỏe của bà không đảm bảo, bà không có việc làm và thu nhập, mặt khác hiện nay các cháu đang sống với ông N. Do vậy, khi ly hôn, nguyện vọng của bà là giao các cháu H và P cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Tạm thời bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà M đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Lê Trần N: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng quy định. Ngày 12 tháng 12 năm 2017 ông Lê Trần N có văn bản trình bày lời khai và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, cụ thể:*

Ông và bà Lê Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2000. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2015 thì quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, ông và bà M đã sống ly thân hơn một năm nay. Ông đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết ly hôn theo đề nghị của bà M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông có hai con chung là Lê Tín H, sinh năm 2000 và cháu Lê Đức P sinh năm 2004. Hiện tại các con đang sống cùng với ông. Mặt khác do sức khỏe của bà M không đảm bảo để chăm sóc các con. Do vậy, khi ly hôn ông có nguyện vọng của trực tiếp nuôi dưỡng các con. Ông không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Do ông bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông theo quy định.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Bà Lê Thị M khởi kiện ông Lê Trần N về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con ". Do ông N có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, nên Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

+ Nguyên đơn bà Lê Thị M và bị đơn ông Lê Trần N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Lê Trần N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số xx ngày xx/xx/2000, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2015 các bên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Mặc dù các bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt được kết quả. Xét thấy, bà tình nghĩa vợ chồng giữa bà M và ông N không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có níu kéo cũng không đem lại hạnh phúc cho các bên. Mặt khác, bị đơn ông Lê Trần N cũng đề nghị Tòa án chấp

nhận ly hôn với bà M. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị M đối với ông Lê Trần N.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông N, bà M sinh được hai con chung là cháu Lê Tín H, sinh năm 2000 và cháu Lê Đức P sinh ngày năm 2004. Khi ly hôn bà có nguyện vọng giao các cháu H, P cho ông N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc giao các cháu H, P cho ai chăm sóc phải bảo đảm được những quyền và lợi ích tốt nhất cho các cháu. Đối với bà Lê Thị M hiện tại sức khỏe không đảm bảo, bà không việc làm cũng như thu nhập để có thể chăm sóc nuôi dưỡng các con. Hiện nay cháu H và P đều đang sống cùng với ông Lê Trần N. Ông N có khả năng và điều kiện tốt hơn để chăm sóc các cháu. Mặt khác, nguyện vọng của hai cháu H và P mong muốn được ở với ông N. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu H, P Hội đồng xét xử giao cháu Lê Tín H và cháu Lê Đức P cho ông Lê Trần N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]Về tài sản chung: Bà Lê Thị M và ông Lê Trần N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị M phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M được ly hôn với ông Lê Trần N.

- Về con chung: Giao cho ông Lê Trần N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Tín H, sinh năm 2000 và cháu Lê Đức P, sinh năm 2004 cho đến khi đủ 18 tuổi. Tạm thời bà Lê Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, bà Lê Thị M và ông Lê Trần N có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- ***Về tài sản chung***: Bà Bà Lê Thị M và ông Lê Trần N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quy định: *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

2. ***Về án phí***: Bà Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu số AA/2016/0007492 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Như vậy, bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị M và ông Lê Trần N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- THA TP N;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(đã ký)

Phan Thanh Tùng